

Bản án số: 03 /2019/LĐ-PT

Ngày: 03/5/2019

V/v: “*Tranh chấp xử lý kỷ luật
theo hình thức sa thải và yêu cầu
bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà

Các Thẩm Phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Nguyễn Công Sự

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Tâm – Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông
Mai Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 07/2019/TLST-LĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải và yêu cầu bồi thường thiệt hại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐH-PT ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 27B, tổ 5, khu phố A, Phường T, thành phố B, Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông T – Luật sư Lê Tấn T – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH M (viết tắt là M)

Địa chỉ trụ sở chính: đường số A, Khu công nghiệp L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Chan Chek C** – Tổng giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền : Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1979
(Theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2018).

3. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.**

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Minh T.**

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H.**, sinh năm 1976
(Theo giấy ủy quyền số 33/GUQ-BHXX ngày 17/4/2018).

Địa chỉ: Số 219, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, Bà O có mặt, Bà H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ngày 10/5/2007, ông được Công ty M nhận vào làm thử việc trong thời hạn 02 tháng (kể từ 10/5/2007 đến 09/7/2007). Ngày 06/7/2007, giữa ông và công ty giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Công việc làm là kỹ sư thiết kế máy, chức vụ là Trưởng bộ phận bảo trì, mức lương cơ bản trước khi bị nghỉ việc là 26.506.300đ, ngoài ra hàng tháng còn phụ cấp độc hại 600.000 đồng. Tổng cộng lương và phụ cấp là 27.106.300 đồng.

Trong quá trình làm việc ông luôn hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, ngày 23/12/2016, công ty tiến hành họp xét kỷ luật ông với nội dung cho rằng ông có hành vi thiếu trách nhiệm, gây thiệt hại đến tài sản của công ty. Ông có tham dự cuộc họp nhưng không đồng ý với cáo buộc của công ty. Đến ngày 30/12/2016, công ty ra Quyết định số 147/16/MAP-HR về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 03/01/2017.

Xét thấy công ty xử lý kỷ luật ông là không đúng quy định của pháp luật nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông các vấn đề sau:

1. Hủy quyết định số 147/16/MAP-HR ngày 30/12/2016 của M.
2. Buộc công ty nhận ông trở lại làm việc.
3. Buộc bồi thường khoản tiền tương ứng với khoản tiền lương trong những ngày ông không được làm việc.
4. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định.
5. Đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho ông theo quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty M thì ông không đồng ý vì khi làm việc ông chỉ thực hiện lệnh của cấp trên, khi máy móc mua về vận hành trong thời gian nhất định ông mới ký nháy nghiệm thu. Việc quyết định có mua máy móc hay không là thuộc của cấp trên không phải lỗi của ông.

Tại phiên tòa Ông T yêu cầu áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thi hành ngay bản án do ông có hoàn cảnh khó khăn.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Hồng Kỳ trình bày:

Về quan hệ lao động như Ông T trình bày là đúng. Trong quá trình lao động Ông T có hành vi thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản của công ty cụ thể như sau:

Theo chủ trương của Ban Giám đốc về việc nâng cấp máy Tom, ông T làm đơn đề nghị mua các máy móc, thiết bị gồm: Bàn xoay nắp chai; máy đóng nắp Ropp tự động có 1 đầu đóng nắp, máy dán nhãn decal; máy in ruy băng của dự án nâng cấp máy đóng chai Tom. Ông T được ban lãnh đạo Công ty phân công làm việc với nhà cung cấp và các đơn vị, bộ phận liên quan đến máy móc, thiết bị mua về phù hợp, vận hành ổn định, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Nếu thực hiện đúng nhiệm vụ, trách nhiệm được giao thì ông T phải khảo sát tìm nhà cung cấp tin cậy đề xuất cho Lãnh đạo Công ty; sau khi lãnh đạo công ty phê duyệt nhà cung cấp thì ông T phải làm việc kỹ với nhà cung cấp để đảm bảo máy móc, thiết bị cung cấp cho công ty phải có chất lượng tốt, tương thích, phù hợp với hệ thống máy móc, thiết bị của công ty đang vận hành. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình, cụ thể: ông T đã yêu cầu mua máy móc của công ty cổ phần thiết bị Huỳnh Long, là một nhà cung cấp không có uy tín, thương hiệu trên thị trường trong lĩnh vực này, thực chất công ty Huỳnh Long chỉ nhập khẩu máy móc thiết bị từ Trung Quốc về bán lại; Ông T đã không làm việc kỹ với công ty Huỳnh Long để đảm bảo máy móc thiết bị mà công ty Huỳnh Long cung cấp tương thích với hệ thống máy móc, thiết bị hiện tại đang vận hành của công ty; khi công ty Huỳnh Long bàn giao máy móc, ông T đã không kiểm tra kỹ các thông số kỹ thuật của máy xem có phù hợp với yêu cầu của Công ty hay không nhưng vẫn ký xác nhận bàn giao (ký nháy), sau đó đưa lãnh đạo ký xác nhận; quá trình vận hành chạy thử máy ông T cũng không kiểm tra kỹ máy có đạt yêu cầu hay không nhưng vẫn ký xác nhận nghiệm thu (ký nháy) rồi đưa lãnh đạo ký xác nhận với nhà cung cấp.

Hành vi thiếu trách nhiệm của ông T dẫn đến Công ty tiếp nhận máy móc thiết bị từ nhà cung cấp là công ty Huỳnh Long, thực hiện thanh toán toàn bộ tiền mua máy móc, thiết bị cho nhà cung cấp Huỳnh Long trong khi máy móc liên tục hư hỏng và không tương thích với hệ thống máy móc, thiết bị (máy Tom) của Công ty nên không thể sử dụng được. Đến nay toàn bộ số máy móc, thiết bị này với tổng trị giá là 760.960.200đ không thể vận hành, sử dụng. Đây chính là giá trị tài sản mà ông T do thiếu trách nhiệm đã gây thiệt hại cho Công ty.

Ông T đã thiếu trách nhiệm không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản cho Công ty, căn cứ quy định tại khoản 4 điều 24 Nội quy lao động, Công ty tiến hành xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải với ông T kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2017.

Khi xử lý kỷ luật ông T, Công ty đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật lao động, cụ thể: đã tổ chức cuộc họp xử lý kỷ luật với sự tham gia của ông T và đại diện BCH Công đoàn cơ sở vào ngày 23 tháng 12 năm 2016; trong cuộc họp Công ty đã chứng minh, làm rõ lỗi của ông T; sau đó ngày 30 tháng 12 năm 2016 đã ban hành Quyết định xử lý kỷ luật đúng thời hạn luật định; khi xử lý kỷ luật lao động

ông T không trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ phép, hành vi vi phạm của ông T được quy định trong Nội quy lao động, không thuộc trường hợp bị cấm xử lý kỷ luật. Nội dung, trình tự xử lý kỷ luật lao động đối với ông T công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Chương VIII Bộ luật lao động và quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành tại Chương V Nghị định số 05/21015/NĐ-CP.

Do vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc và thanh toán các khoản tiền như nêu trong đơn khởi kiện là hoàn toàn không có cơ sở, Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn.

Hành vi thiếu trách nhiệm của ông T dẫn đến công ty tiếp nhận máy móc thiết bị từ nhà cung cấp là công ty Huỳnh Long, thực hiện thanh toán toàn bộ tiền mua máy móc thiết bị từ nhà cung cấp với tổng giá trị là 760.960.200đ nhưng không sử dụng được. Đây là thiệt hại ông T gây ra nên ông T phải có trách nhiệm bồi thường.

Ngày 31/7/2018, Công ty có ý kiến xin rút một phần yêu cầu phản tố vì xét thấy Giám đốc sản xuất căn cứ vào chữ ký nháy của Ông T nên mới ký nghiệm thu nên cũng phải có một phần trách nhiệm, ông T là người có trách nhiệm chính nên phải chịu bồi thường 60% mức thiệt hại là 456.567.120 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị Phương H trình bày:

Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1977, mã số BHXH 0203279231, có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) từ tháng 5/2007 đến tháng 12/2016 được 09 năm 06 tháng và đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2016 là 07 năm 10 tháng tại Công ty TNHH M (kèm bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN).

Ông Nguyễn Anh T yêu cầu Công ty TNHH M phải chi trả tiền BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) cho ông T trong thời gian ông T không làm việc cho đến khi Công ty nhận trở lại làm việc, bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

Trong trường hợp nếu có quyết định của Tòa án buộc Công ty TNHH M phải hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải đối với ông T, phải trả tiền lương cho ông T trong những tháng mà ông T không làm việc do lỗi của Công ty, thì đồng nghĩa với việc Hợp đồng lao động không xác định thời hạn mà Công ty đã ký kết với ông T vẫn tiếp tục còn hiệu lực. Trong trường hợp này, Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ truy thu tiền đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty TNHH M và của ông Nguyễn Anh T dựa trên căn cứ là Hợp đồng lao động, quyết định của Tòa án, thời điểm Công ty TNHH M lập hồ sơ truy thu để thu BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 01/2017 đối với trường hợp của ông Nguyễn Anh T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 12/2018/LĐ-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T đối với bị đơn Công ty TNHH M.

Hủy quyết định số 147/16/MAP-HR ngày 30/12/2016 của Tổng giám đốc Công ty TNHH M về việc thi hành kỷ luật lao động đối với ông Nguyễn Anh T .

Buộc Công ty TNHH M nhận ông T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết giữa ông T và công ty ngày 06/7/2007.

Buộc Công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Anh T số tiền 583.012.600đ (Năm trăm tám mươi ba triệu không trăm mười hai ngàn sáu trăm đồng).

Buộc Công ty TNHH M có trách nhiệm truy đóng bảo hiểm xã hội cho ông T kể từ tháng 01/2017 cho đến ngày nhận Ông T trở lại làm việc theo Luật Bảo hiểm xã hội.

- Về án phí: Buộc Công ty TNHH M phải chịu số tiền 15.660.252đ và 13.131.342đ nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.610.000đ , công ty đã nộp theo biên lai thu số 002347 ngày 18/8/2017. Công ty còn phải nộp tiếp số tiền 19.181.594đ án phí Lao động sơ thẩm. Về lệ phí: Công ty TNHH M phải nộp 1.000.000đ lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ. (Đã nộp xong).

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2018 bị đơn Công ty TNHH M kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 41, 125 Bộ luật Lao động và các Điều 32, 35, 39, 40, 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về xác định quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Tranh chấp kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải” còn bị đơn phản tố “ Yêu cầu bồi thường thiệt hại” nhưng Tòa án cấp Sơ thẩm xác định chỉ một quan hệ pháp luật là thiếu và chưa chính xác.

[3] *Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Người có quyền nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có đơn xin vắng mặt tại cấp phúc thẩm nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.

[4] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 18/5/2018 Tòa án sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ (BL149,150). Sau đó ngày 26/6/2018 ông T có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 26/6/2018 (BL215) nhưng hồ sơ vụ án không thể hiện quyết định đưa ra xét xử vào ngày 26/6/2018 cũng như biên bản hội ý và quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 26/6/2018 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngày 26/6/2018 bị đơn Công ty TNHH M xuất trình một số chứng cứ mới thể hiện những văn bản tài liệu liên quan đến phần tố của bị đơn (từ bút lục 163-217) và ngày 27/7/2018 ông T xuất trình e-mail thể hiện trách nhiệm của ông T trong việc đánh giá đối với thiết bị của nhà cung cấp Huỳnh Long (bút lục 162); đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông T và bị đơn Công ty TNHH M đều xác định các chứng cứ mà cả hai bên nộp sau phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 18/5/2018 thì cả hai bên đều chưa được tiếp cận. Như vậy lẽ ra ở đây Tòa án cấp sơ thẩm phải cho các bên đương sự trong vụ án tiếp cận, công khai đối với các chứng cứ này để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo luật định nhưng Tòa sơ thẩm không thực hiện mà ngày 31/8/2018 đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bên cạnh đó các chứng cứ đa số đều không được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật (bút lục 160-217). Bản án có nhận định về không chấp nhận một phần phần tố và rút một phần phần tố của bị đơn Công ty TNHH M nhưng không đình chỉ phần rút phần tố cũng như tuyên không chấp nhận phần phần tố còn lại là thiếu sót; chứng cứ do bị đơn Công ty TNHH M ký với tư cách người nộp nhưng không có người nhận tài liệu chứng cứ (BL219). Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Công ty M không phải chịu án phí Lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì sau khi Tòa sơ thẩm tổ chức họp công khai chứng cứ thì cả ông T lẫn bị đơn nộp chứng cứ mới nhưng Tòa sơ thẩm chưa thực hiện công khai những chứng cứ mới này. Các chứng cứ đều là bản pho to không công chứng chứng thực. Bản án sơ thẩm có nhận định về không chấp nhận phần tố của bị đơn nhưng phần quyết định không tuyên. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 3 Điều 308, khoản 2 điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 32, 35, 40, 68, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 06, 36, 42, 123, 124, 125, 130, 131 Bộ luật Lao Động;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 12/2019/LĐ-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án “Tranh chấp kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải và yêu cầu bồi thường thiệt hại” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Anh T đối với bị đơn Công ty TNHH M về cho Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí: Án phí sơ thẩm sẽ được tính toán lại khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án. Về chi phí tố tụng: bị đơn Công ty TNHH M phải chịu phải nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ. (Đã nộp xong).

Bị đơn Công ty TNHH M không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo luật. Hoàn trả cho bị đơn Công ty TNHH M 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009400 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện (02);
- TAND huyện (01);
- THADS huyện (01);
- Dương sự (02);
- Lưu (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Ngô Thanh Sỹ Nguyễn Công Sự

Trần Thị Thanh Hà